

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/HS-PT

Ngày: 24-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Võ Việt Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2023/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Lê Tuấn A, sinh năm 1993 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2022 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn M1 – Luật sư Văn phòng luật sư M1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 16/12/2021, lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

Công an thành phố B phối hợp với Công an xã B, thành phố bên T tiến hành kiểm tra hành chính nhà trọ H3 ở số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện tại phòng trọ số 18 do Nguyễn Lê Tuấn A thuê ở có: Nguyễn Lê Tuấn A, Nguyễn Hoàng M2 (sinh năm 1983; ĐKTT: Số B, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre), Trần Lê Duy K (sinh ngày 02/9/2003; ĐKTT: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre), Đỗ Trường H1 (sinh ngày 17/9/2004; ĐKTT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre), Ngô Diễm T (sinh năm 2002; ĐKTT: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre), Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 2001; ĐKTT: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre), Phạm Gia N (sinh ngày 06/8/2005; ĐKTT: Số B, khu phố D, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre), Lê Thị Ngọc C (sinh năm 2001; ĐKTT: ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre), Tạ Như Q (sinh ngày 12/11/2005; ĐKTT: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre) và Võ Hoàng H2 (sinh ngày 07/11/2005; ĐKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre) đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Qua làm việc Nguyễn Lê Tuấn A khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 16/12/2021, M2, H1 và K đến phòng trọ số 18 của Tuấn A để nhậu. Được một lúc thì có thêm T, L, N, C, Q và H2 đến phòng trọ của Tuấn A chơi. Trong lúc nhậu, M2, H1, K có nói đến việc sử dụng ma túy, nghe vậy Tuấn A nói để Tuấn A mua ma túy cho sử dụng. Để thực hiện ý định, khoảng 16 giờ cùng ngày, Tuấn A điện thoại cho người thanh niên tên Q1 (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 1.200.000 đồng ma túy gồm ma túy dạng “khây” và 02 viên ma túy dạng thuốc lắc thì Q1 đồng ý. Khoảng 20 phút sau, Q1 đem ma túy đến khu vực phía trước phòng trọ số 18 bán cho Tuấn A 01 gói ma túy dạng “khây” và 01 gói ny lon bên trong có 02 viên ma túy dạng thuốc lắc màu xanh. Sau khi mua được ma túy, Tuấn A đem vào phòng trọ để cho cả nhóm gồm: Nguyễn Hoàng M2, Trần Lê Duy K, Đỗ Trường H1, Ngô Diễm T, Nguyễn Thị Mỹ L, Phạm Gia N, Lê Thị Ngọc C, Tạ Như Q và Võ Hoàng H2 cùng sử dụng. Riêng 02 viên ma túy dạng thuốc lắc không sử dụng nên Tuấn A cất giấu trong chậu cây trước cửa phòng trọ để dành sử dụng nên lực lượng tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ tang vật.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nylon màu trắng được hàn kín ba phía, trên miệng túi có rãnh khếp và vạch màu đỏ bên trong có 02 viên nén màu xanh (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký và ghi tên Nguyễn Hải Đăng K1, Dương Hoàng Ân, Nguyễn Lê Tuấn A, Lê Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thanh N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã B, thành phố B); 01 đĩa màu trắng; 01 đoạn ống hút màu trắng; 02 hột quẹt gas màu vàng; 01 túi nylon màu trắng được hàn kín ba phía, trên miệng túi có rãnh khếp và vạch màu xanh bên

trong rỗng; 01 card màu đen có chữ GUCCI.

Theo Kết luận giám định số 161/2021/GĐMT ngày 01/01/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: 02 viên nén màu xanh đựng trong túi nylon được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,9555 gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2023/HS-ST ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt của 02 tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/6/2023 bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo thừa nhận hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và xác định kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho hai tội danh, tuy nhiên bị cáo cho rằng 02 viên nén màu xanh không phải của bị cáo, nhưng bị cáo thừa nhận bị cáo có ký tên vào Biên bản kiểm tra hành chính, Biên bản sự việc và có viết tự khai về 02 viên nén màu xanh có nội dung giống Bản án sơ thẩm nêu.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Xét kháng cáo của bị cáo đối với “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” bị cáo không có đủ tình tiết giảm nhẹ để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt nên được giữ nguyên; đối với “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo không thừa nhận hành vi nên không có căn cứ giảm hình phạt. Mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là phù hợp nên được giữ nguyên. Đề nghị căn cứ Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A chấp hành hình phạt của 02 tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng, về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thống nhất với Bản án sơ thẩm; đối với “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” không thống nhất, do bị cáo không thừa nhận hai viên nén màu xanh là của bị cáo, bị cáo không có mua 02 viên nén màu xanh, nên bị cáo không phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có cha mẹ già, bị cáo không rủ nhiều người sử dụng ma túy. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt để sớm về gia đình lo cho cha mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết vụ án: Giai đoạn điều tra ban đầu bị cáo thừa nhận 02 viên nén màu xanh là thuốc lắc của bị cáo. Về sau bị cáo thay đổi lời khai cho rằng sợ bị đánh đập nên khai nhận 02 viên ma túy dạng thuốc lắc là của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng do bị dẫn cung nên bị cáo khai nhận 02 viên nén màu xanh là của bị cáo. Tuy nhiên qua điều tra bổ sung những người làm chứng đều khai nhận không bị đánh đập, không bị ép khai, các nhân chứng Võ Hoàng H2, Dương Hoàng Ân, Ngô Diễm T, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thị Ngọc C1, Phạm Gia N,

Đỗ Trường H1 cho rằng tại hiện trường Tuấn A tự thừa nhận mua ma túy và thừa nhận 02 viên nén màu xanh là của Tuấn A, phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo, phù hợp với các bản tự khai của bị cáo, phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính và biên bản sự việc.

Riêng các nhân chứng sau khai có các tình tiết phù hợp nhau:

- Nguyễn Hoàng M2, trình bày thể hiện: “... tôi vào phòng trọ của Tuấn A ngủ được một lúc thì T1 anh nói “Ma túy nè chơi đi” lúc này tôi ngồi dậy thấy Tuấn A để 01 bịch ma túy “Khây” và 01 bịch có 02 viên ma túy màu xanh trên bàn, tôi tiếp tục nằm xuống nệm của Tuấn A nghỉ, một lúc sau thì H1 và K quay lại , ...; Do Tuấn A nói “Ma túy nè sử dụng (chơi) đi” nên tôi nghe và ngồi dậy thấy Tuấn A để 01 bịch ma túy “Khây” và 01 bịch có 02 viên ma túy màu xanh trên bàn, tôi xác định 02 viên ma túy màu xanh này là của Tuấn A mua cùng với bịch ma túy “Khây”; Vì chính mắt tôi nhìn thấy Tuấn A đem bịch ma túy “Khây” và 02 viên ma túy màu xanh để trên bàn, lúc này trong phòng chỉ có tôi và Tuấn A” (BL 337-340 ngày 10/11/2022); và lời khai (tại BL 556-559 ngày 20-3-2023) “Vì khi đem 02 túi ma túy vào phòng trọ để trên bàn nhỏ thì Tuấn A nói “ma túy nè, mấy ông chơi đi” tức là sử dụng ma túy nên tôi nhìn thấy rõ hai túi ma túy này, tôi xác định hai viên ma túy màu xanh là của Tuấn A vì chúng tôi chỉ sử dụng túi ma túy màu trắng; ngồi ở công an xã khoảng 05-10 phút thì có người chở tôi, Tuấn A, H1, K trở lại phòng trọ; Khi tôi, Tuấn A, H1, K trở lại phòng trọ của Tuấn A, công an có lập biên bản kiểm tra hành chính và biên bản sự việc, đọc cho tôi, Tuấn A, H1, K nghe nội dung biên bản và cùng ký tên vào biên bản tại phòng trọ của Tuấn A; tại hiện trường tôi nghe Tuấn A tự khai với công an là Tuấn A cất giấu 02 viên ma túy màu xanh ở chậu cây để Tuấn A sử dụng; tôi không thấy lực lượng công an đánh đập ai, tôi, Tuấn A, H1, K cũng không bị đánh”.

- Nhân chứng Trần Lê Duy K, trình bày thể hiện: “khi tôi trở lại phòng trọ Tuấn A để rượt H1 thì thấy Tuấn A để một túi ma túy “Khây” và một túi chứa hai viên thuốc lắc có đặc điểm nêu trên (02 viên nén màu xanh) dưới nền nhà để sử dụng ma túy, không sử dụng thuốc lắc nên Tuấn A đem cất 02 viên thuốc lắc, còn Tuấn A cất ở đâu thì tôi không biết” (BL 218 ngày 28/12/2021) và lời khai (tại BL 421-424 ngày 27/02/2023) thể hiện: “... tại hiện trường tôi nghe Tuấn A khai nhận, Tuấn A có cất giấu 01 túi ny lon bên trong có 02 viên nén màu xanh, đó là ma túy, cất giấu trong chậu cây kiểng, ...; lúc tôi thấy gói ma túy “Khây” và 01 gói ma túy “Kẹo” gồm 02 viên nén màu xanh, thì Tuấn A luôn có mặt tại phòng trọ đến khi lực lượng đến kiểm tra, Tuấn A có đi tới lui trong và ngoài trước phòng trọ chứ không có đi xa; tại công an xã B không có ai đánh đập gì tôi và những đương sự khác cũng không ai bị đánh đập; tôi khẳng định ma túy để trên nền gạch, tôi thấy gồm 01 gói ma túy “Khây” và 01 gói ma túy “Kẹo” dạng viên nén màu xanh lúc đó chuẩn bị sử dụng ma túy; lúc đầu Tuấn A mua ma túy về để ở đâu tôi không

thấy và việc M2 thấy ma túy Tuấn A để trên bàn thì tôi không biết, nhưng lúc tôi nhìn thấy là ma túy đã để trên nền gạch, gồm 01 gói ma túy “Khây” và 01 gói ma túy “kẹo” có 02 viên nén màu xanh lúc đó chuẩn bị sử dụng ma túy”.

Bị cáo đưa ra tình tiết bị đánh đập tại công xã, tuy nhiên bị cáo có lời khai (tại BL 477-480 ngày 02/3/2023) cho rằng: “Tôi bị đánh tại công an xã B lúc đó người đánh tôi không có hỏi, không có nói gì về ma túy mà người đánh tôi có cầm cà vẹt xe để trên bàn chỗ tôi ngồi hỏi tôi có lấy không, Người đó say rượu, tôi nói không có thì người đó đánh tôi chứ không có liên quan gì đến ma túy sử dụng tại phòng trọ”. Như vậy, thể hiện việc bị cáo bị đánh là do việc khác.

Như vậy, có căn cứ xác định hai viên nén màu xanh được thu giữ, qua giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,9555 gam là của bị cáo Tuấn A.

Đối với tình tiết người bào chữa đưa ra “Bị cáo không rủ nhiều người”, tuy nhiên tại biên bản đối chất giữa Tuấn A và Nguyễn Hoàng M2 (BL 98-104 ngày 05/10/2022), Tuấn A trình bày “Hôm đó có những bạn nữ và bạn nam đến phòng trọ của tôi cùng sử dụng ma túy thì tôi đồng ý không có phản ứng gì”.

Với các tình tiết nêu trên và căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 16/12/2021, tại phòng trọ số A nhà T ở số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre của Nguyễn Lê Tuấn A thuê ở, Tuấn A đã có hành vi dùng nơi ở của mình và cung cấp ma túy dạng “Khây” cho Nguyễn Hoàng M2, Trần Lê Duy K, Đỗ Trường H1, Ngô Diễm T, Nguyễn Thị Mỹ L, Phạm Gia N, Lê Thị Ngọc C, Tạ Như Q và Võ Hoàng H2 cùng sử dụng, trong đó có Đỗ Trường H1, Phạm Gia N, Tạ Như Q và Võ Hoàng H2 là người đủ 13 tuổi nhưng dưới 18 tuổi. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B còn thu được 0,9555 gam ma túy, loại MDMA (02 viên ma túy màu xanh) tại chậu cây phía trước phòng trọ số 18 nhà trọ H3 ở số A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre do Tuấn A cất giấu, tàng trữ để sử dụng.

Với ý thức, hành vi, số lượng chất ma túy, số người tham gia sử dụng ma túy và độ tuổi của những người tham gia sử dụng ma túy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo các điểm b “Đối với 02 người trở lên”, điểm c “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c “..., MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam” khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên được xem là có nhân thân tốt; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo

đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải đối với “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” (tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Xét hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo 07 năm tù (đối với “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”) là mức thấp nhất của khung hình phạt, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ để đủ áp dụng hình phạt thấp hơn, nên được giữ nguyên; đối với “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo không thừa nhận hành vi nên không có tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mức hình phạt 01 năm 03 tháng được giữ nguyên. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Lê Tuấn A** phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A chấp hành hình phạt của hai tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/10/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Lê Tuấn A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND xã T, h. Châu Thành (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh